

Biểu mẫu 11

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TRƯỜNG THPT
TRẦN VĂN GIÀU**

THÔNG BÁO

**CÔNG KHAI THÔNG TIN CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ
THÔNG**

NĂM HỌC 2022 – 2023

(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	50	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	50	
2	Phòng học bán kiên cố	/	
3	Phòng học tạm	/	
4	Phòng học nhờ	/	
5	Số phòng học bộ môn	10	01 phòng /1 môn.
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	12	
7	Bình quân lớp/phòng học	01	
8	Bình quân học sinh/lớp	45	
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	14857m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2250 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng	10738m ²	
1	Diện tích phòng học (m ²)	2891m ²	59m ²
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	1058m ²	96m ²



STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	360m ²	60m ²
3	Diện tích thư viện (m ²)	160m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	782m ²	
5	Diện tích phòng khác (....)(m ²)	1802,5m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Khối lớp 10	69	
2	Khối lớp 11	68	
3	Khối lớp 12	71	
4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	/	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	171	

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	12	0,26
2	Cát xét	36	0,78
3	Đầu Video/đầu đĩa	02	0,04
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	14	0,3
5	Bảng tương tác	04	
6	Hệ thống âm thanh lớp	50	01 bộ/lớp
7	Hệ thống âm thanh sân trường	02	
	Nội dung	Số lượng (m ²)	
X	Nhà bếp	-	
XI	Nhà ăn	-	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	1400	700	2 m ²
XIII	Khu nội trú	-	-	-

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	09	14	07/07	387	0,3
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	-	-	-	-	-

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Bình Thạnh, ngày 22 tháng 8 năm 2022



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Thu Hồng

Biểu mẫu 12

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG THPT
TRẦN VĂN GIÀU

THÔNG BÁO

CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ

VÀ NHÂN VIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

NĂM HỌC 2022 – 2023

(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	TS	ThS	ĐH	CĐ	TCCN	Dưới TCCN	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	97	85	12							
I	Giáo viên	74	74			20	54				
	Trong đó số giáo viên dạy môn:										
1	Toán	13	13			04	9				
2	Lý	08	08			03	05				
3	Hóa	07	07			06	01				
4	Sinh	04	04			/	04				
5	Sử	04	04			01	03				
6	Địa	04	04			01	03				



STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	TS	ThS	ĐH	CĐ	TCCN	Dưới TCCN	
7	Văn	9	9			03	06				
8	Tin học	04	04			0	04				
9	GDCD	03	03			/	03				
10	GDQP	02	02			/	02				
11	Anh văn	11	11			01	10				
12	TD	05	05			02	03				
13	Công nghệ	Công Nghệ 10: Giáo viên dạy Sinh học giảng dạy. Công nghệ 11,12: Giáo viên dạy Vật Lý giảng dạy.									
II	Cán bộ quản lý	04	03			03	01				
1	Hiệu trưởng	01	01			01					
2	Phó hiệu trưởng	03	03			02	01				
III	Nhân viên	20	20				10	02	02	06	
1	Nhân viên văn thư	01		01					01		
2	Nhân viên kế toán	01	01				01				
3	Thủ quỹ	01	01				01				
4	Quản lý học sinh	04		04		/	04				
5	Nhân viên y tế	01	01						01		
6	Nhân viên thư viện	01	01				01				
7	Nhân viên học vụ	02	01	01			02				
8	Nhân viên tin học, kỹ thuật	01	01					01			

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước NĐ 116 và tuyển dụng theo NĐ 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo NĐ 68)	TS	ThS	ĐH	CĐ	TCCN	Dưới TCCN	
9	Nhân viên thiết bị	01	01				01				
10	Nhân viên bảo vệ	03		03						03	
11	Nhân viên phục vụ	03		03						03	

Bình Thạnh, ngày 22 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Thu Hồng

